

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN THÁNG
(Từ ngày 1 đến 31/1/2025)

1.1. Miền núi phía Bắc

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến dưới 15mm, có nơi cao hơn.
- Trên sông Thao, lưu lượng dòng chảy tại Yên Bái giảm so với tháng trước; tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 15%. Trên sông Lô, lưu lượng dòng chảy tại Tuyên Quang giảm so với tháng trước; tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 43%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 10-30mm, có nơi cao hơn.
- Trên sông Thao, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 31%. Trên sông Lô, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ là 41%.

1.2. Đồng Bằng và Trung Du Bắc Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Khu vực có TLM phổ biến dưới 10mm, có nơi cao hơn.
Tổng lượng dòng chảy tháng 12/2024: - Trên sông Đà, dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy đến hồ thấp hơn với TBNN cùng kỳ 9% - Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu ít biến đổi và trên sông Lục Nam giảm so với tháng 11. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Cầu Gia Bảy cao hơn 3% so với TBNN; tổng lượng dòng chảy trên sông Lục Nam tại Chũ thấp hơn 9% so với TBNN. - Sông Hồng: Dòng chảy trên sông Hồng tháng 12 biến đổi chậm và phụ thuộc vào điều tiết của các thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội thấp hơn TBNN cùng kỳ 8%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: khu vực có TLM phổ biến từ 10-30mm, có nơi cao hơn.
Tổng lượng dòng chảy tháng 1/2025: - Trên sông Đà, lưu lượng đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy xấp xỉ so với TBNN cùng kỳ.

- Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi so với tháng 12/2024. Trên sông Cầu tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy dự báo cao hơn 10% so với TBNN. Trên sông Lục Nam, tổng lượng dòng chảy tại Chũ có khả năng ở mức thấp hơn 18% so với TBNN.
- Sông Hồng: Dòng chảy trên sông Hồng tháng 01 biến đổi chậm và phụ thuộc vào điều tiết của các thủy điện tuyến trên; có một đợt tăng do các hồ chứa tăng cường phát điện phục vụ đồ ải Đông Xuân 2025 lấy nước từ 12/1-16/1. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội dự báo ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 5%.

1.3. Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Khu vực Thanh Hoá, Bắc Nghệ An phổ biến dưới 15mm, có nơi trên 20mm; khu vực Nam Nghệ An đến Hà Tĩnh phổ biến: 40-150mm, có nơi cao hơn như tại Kỳ Anh (Hà Tĩnh) 223mm, Hoàn Sơn (Hà Tĩnh) 198mm...
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 12/2024, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 22%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 18%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 44%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 7%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An: 10-30mm, có nơi cao hơn; Hà Tĩnh: 50-100mm, có nơi trên 100mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 01/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 17%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn TBNN khoảng 14%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 22%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 30%.

1.4. Trung Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: ở Quảng Bình – Quảng Trị phổ biến 100-300mm, có nơi cao hơn như: Đông Hà (Quảng Trị) 368mm; từ Thừa Thiên Huế đến Đà Nẵng phổ biến 300-600mm có nơi cao hơn như: Huế (Thừa Thiên Huế) 642mm; tỉnh Quảng Nam – Quảng Ngãi phổ biến 500-1000mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 12, lưu lượng dòng chảy trên các sông từ Thừa Thiên Huế đến Quảng Ngãi được bổ sung tăng cao từ ngày 12-16/12 và từ ngày 27-29/12, các sông khác dòng chảy ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn mức TBNN cùng kỳ 37%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) cao hơn 52%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) cao hơn 22%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: ở Quảng Bình - Quảng Trị phổ biến 100-200mm, có nơi cao hơn; từ Thừa Thiên Huế đến Quảng Ngãi phổ biến 250-500mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 01/2025, dòng chảy trên các sông từ Thừa Thiên Huế đến Quảng Ngãi khả năng có dao động, sau ít biến đổi, dòng chảy trên các sông khác xu thế giảm dần; dòng chảy tháng thấp hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch cao hơn TBNN 116%, sông Thu Bồn và sông Trà Khúc cao hơn từ 63-81%.

1.5. Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

Tổng lượng mưa: TLM phổ biến 300-400mm, có nơi cao hơn như tại Cam Ranh (Khánh Hòa) 425mm; riêng khu vực Bình Thuận TLM phổ biến 100-150mm.

Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng qua, trên các sông từ Bình Định đến Phú Yên đã xảy ra 1-2 trận lũ với biên độ lũ lên từ 2 đến 3m. Tuy nhiên, lưu lượng dòng chảy trên các sông vẫn phổ biến ở mức thấp hơn TBNN riêng tại An Hòa trên sông An Lão và Đồng Trăng trên sông Cái Nha Trang cao hơn TBNN. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) cao hơn 81% so với TBNN, sông Ba (Phú Yên) thấp hơn 54%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) cao hơn 77%, sông Lũy (Bình Thuận) thấp hơn 32%, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 88%.

b. Dự báo, cảnh báo

Tổng lượng mưa: Bình Định đến Khánh Hòa: 200-400mm, có nơi cao hơn; Bình Thuận, Ninh Thuận: 70-150mm có nơi cao hơn.

Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba ở mức < 28%, sông Cái Nha Trang ở mức <3% so với TBNN cùng kỳ.

1.6. Tây Nguyên

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 30-60mm, có nơi cao hơn, như tại M'Đrak (Đắk Lắk) 700mm, An Khê (Gia Lai) 302mm, ngược lại phía Bắc Tây Nguyên ít mưa, chỉ phổ biến dưới 5mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng, trên sông Krông Ana (Đắk Lắk) và sông Cam Ly (Lâm Đồng) xuất hiện 1 đợt lũ nhỏ, đỉnh lũ tại trạm Giang Sơn và Thanh Bình ở trên mức BĐ1, các sông khác biến đổi theo điều tiết hồ chứa thủy điện. Lưu lượng dòng chảy các sông trên khu vực phổ biến ở mức xấp xỉ và giảm so với tháng trước, riêng sông Krông Búk và Krông Ana lưu lượng dòng chảy tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 82%, trên sông Krông Ana tại Giang Sơn cao hơn 17%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến từ 40-80mm, có nơi cao hơn

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy các sông trên khu vực ở mức xấp xỉ và giảm so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại Kon Tum ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 76%, trên sông Srêpôk tại Giang Sơn cao hơn 45%.

1.7. Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 40-130mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến từ 40-100mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm. Trên sông Tiền tại Tân Châu cao hơn 7% so với cùng kỳ TBNN và trên sông Hậu tại Châu Đốc thấp hơn TBNN cùng kỳ 25%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/02/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm*Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 31/1/2025*

Sông	Trạm	Thực đo trong 1 tháng qua (mm)	So sánh với TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Đà	Hồ Hòa Bình	0	-98	10-20	< 20-40
Thao	Yên Bái	17	-50	10-20	< 20-40
Lô	Tuyên Quang	4	-84	10-20	< 20-40
Hồng	Hà Nội	1	-95	10-20	< 20-40
Cầu	Gia Bảy	3	-90	10-20	< 20-40
Lục Nam	Chũ	1	-98	10-20	< 20-40
Mã	Cẩm Thủy	4	-82	10-20	< 20-40
Cả	Yên Thượng	16	-66	10-20	< 20-40
La	Hòa Duyệt	56	-33	40-70	> 5-15
Tả Trạch	Thượng Nhật	307	-23	200-300	>20-40
Thu Bồn	Nông Sơn	1017	82	350-450	>20-40
Trà Khúc	Sơn Giang	1011	60	300-500	>20-40
Ba	Củng Sơn	353	35	200-300	>20-40
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	306	36	200-300	>20-40
ĐăkBlá	KonTum	1	-91	10-30	>10-30
Srêpôk	Giang Sơn	21	-19	10-30	>10-30
Tiền	Tân Châu	76	53	60-80	>20-40
Hậu	Châu Đốc	76	53	60-80	>20-40

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 01 đến ngày 31/01/2025

Đơn vị: $10^6 m^3$

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Đà	Hồ Hòa Bình	W	1807	<9	630	<0
Thao	Yên Bái	W	608	<15	460	<31
Lô	Tuyên Quang	W	396	<43	589	<41
Cầu	Gia Bảy	W	72.0	>3	56.2	>10
Lục Nam	Chũ	W	13	<9	12.11	<18
Hồng	Hà Nội	W	3005	>8	3107	>5
Mã	Cắm Thủy	W	581	> 22	469	> 17
Cả	Yên Thượng	W	662	< 18	557	< 14
La	Hòa Duyệt	W	388	> 44	236	> 22
Tả Trạch	Thượng Nhật	W	92	> 37	62	> 116
Thu Bồn	Nông Sơn	W	2646	> 52	1315	> 81
Trà Khúc	Sơn Giang	W	1444	> 22	798	> 63
Ba	Củng Sơn	W	554	< 54	321	< 28
Cái N,T	Đồng Trăng	W	437	> 73	147	<3
ĐăkBlà	KonTum	W	43	< 82	40	< 76
Srêpôk	Giang Sơn	W	471	> 17	264	> 45
Tiên	Tân Châu	W			17506	> 7
Hậu	Châu Đốc	W			2052	< 25

Phụ lục 2: Bản đồ hiện trạng chênh lệch tổng lượng dòng chảy (tháng 11/2024) so với TBNN

